

Số: **2523** /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày **25** tháng **8** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Cải hoán Nhà máy GPP Dinh Cỏ để tiếp nhận nguồn khí ẩm
Nam Côn Sơn 2 Điều chỉnh - Giai đoạn 2 tại xã An Ngãi, huyện Long Điền,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ công văn số 685/TCMT-TĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tổng cục Môi trường về việc thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM dự án Cải hoán nhà máy GPP Dinh Cỏ để tiếp nhận nguồn khí ẩm Nam Côn Sơn 2;

Căn cứ công văn số 3494/BTNMT-TCMT ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung cụm nhận và phóng thoi tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cỏ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cải hoán Nhà máy GPP Dinh Cỏ để tiếp nhận nguồn khí ẩm NCS2 Điều chỉnh - Giai đoạn 2 tại xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu họp ngày 29 tháng 4 năm 2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cải hoán Nhà máy GPP Dinh Cỏ để tiếp nhận nguồn khí ẩm Nam Côn Sơn 2 Điều chỉnh - Giai

đoạn 2 tại xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 335/DAK-PTDA ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Công ty Quản lý dự án khí;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ...51.28.../TTr-STNMT ngày ...11... tháng ...8... năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cải hoán Nhà máy GPP Dinh Cố để tiếp nhận nguồn khí âm Nam Côn Sơn 2 Điều chỉnh - Giai đoạn 2 (sau đây gọi là dự án) của Công ty Quản lý dự án khí (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Long Điền chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã An Ngãi theo dõi, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, quản lý chất thải trong quá trình triển khai thực hiện dự án nhằm bảo đảm không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các đối tượng xung quanh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Điền, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cty Quản lý dự án khí - Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Điền;
- UBND xã An Ngãi;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, HS, KT7.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tuấn Quốc



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN CẢI HOÁN NHÀ MÁY GPP DINH CỐ ĐỂ TIẾP NHẬN NGUỒN KHÍ ẤM NCS2 ĐIỀU CHỈNH - GĐ2

(Kèm theo Quyết định số 2523./QĐ-UBND ngày 25 tháng 8. năm 2020
của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Cải hoán Nhà máy GPP Dinh Cố để tiếp nhận nguồn khí ấm NCS2 Điều chỉnh - Giai đoạn 2 tại xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.2. Chủ đầu tư dự án

- Chủ đầu tư dự án: Công ty Quản lý dự án khí.
- Địa chỉ: tầng 11, tòa nhà PV Gas Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện: Ông Trần Văn Du Chức vụ: Giám đốc.

1.3. Phạm vi, quy mô công suất dự án

- Địa điểm xây dựng: trong khuôn viên Nhà máy GPP Dinh Cố tại xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Diện tích: 190 m²
- Lắp đặt bình tách V-101A công suất 5,38 triệu m³/ngày;
- Lắp đặt các điểm Tie in, đường ống, van, hệ thống điều kiện để kết nối đường ống 26" của dự án Nam Côn Sơn 2 – Giai đoạn 2 vào nhà máy GPP Dinh Cố hiện hữu;
- Lắp đặt thiết bị lọc F-1011 sau thiết bị tách chất lỏng (Slug catcher) tại đầu vào nhà máy nhằm bảo đảm chất lượng nguồn khí trước khi vào nhà máy GPP Dinh Cố.

1.4. Các hạng mục, công trình chính của dự án

- Bình tách V-101A có công suất tối đa 5,38 triệu m³ khí/ngày.
- Thiết bị lọc F-1011 được sử dụng để tách tạp chất, bụi bẩn trước khi đi qua hệ thống công nghệ đảm bảo vận hành ổn định, liên tục của cụm xử lý khí. Thiết bị lọc (filter) được sử dụng có công suất 6,2 triệu m³ khí, bằng thép không gỉ.
- Đường ống: Ống, van và phụ kiện lắp đặt sử dụng vật liệu thép cacbon và được chế tạo dựa theo hệ thống tiêu chuẩn quốc tế nhằm đảm bảo khả năng chịu lực, ăn mòn, ...
- Thiết bị điều khiển

STT	Thiết bị	Kích thước	Đơn vị	Số lượng
1.	Cải hoán hệ thống SSD và F&G	-	Chiếc	1
2.	LT-101	-	Chiếc	1
3.	LS-102	-	Chiếc	1
4.	LS-103	-	Chiếc	1
5.	LG-104	-	Chiếc	1
6.	TI-101	-	Chiếc	1
7.	PS-102	-	Chiếc	1
8.	PI-103	-	Chiếc	1
9.	PS-101	-	Chiếc	1
10.	PSV-101	-	Chiếc	1
11.	SDV-110	12 inch	Chiếc	1
12.	SDV-111	16 inch	Chiếc	1
13.	FE/FT-110	12 inch	Chiếc	1
14.	FE/FT-111	12 inch	Chiếc	1
15.	PCV-110	10 inch	Chiếc	1

1.5. Công nghệ sản xuất

Nguồn khí từ đường ống Nam Côn Sơn 2 sẽ được pha trộn với nguồn khí Bạch Hổ rồi đưa đến thiết bị tách chất lỏng (Slug Catcher) của GPP Dinh Cố. Tại đây, hỗn hợp condensate và khí được tách theo các đường riêng biệt để tiếp tục xử lý.

Dòng lỏng condensate đi ra từ thiết bị tách chất lỏng (Slug Catcher) được đưa qua Cụm xử lý lỏng để xử lý. Phần khí đi ra từ thiết bị tách chất lỏng (Slug Catcher) sẽ chia làm hai nguồn. Một nguồn với công suất tối đa bằng công suất của Cụm xử lý khí tại GPP Dinh Cố sẽ đi qua Cụm xử lý khí để tiếp tục xử lý khí và thu hồi tối đa lượng lỏng. Nguồn khí dư còn lại được đưa qua Cụm bypass V-101A để tách một phần lỏng cuốn theo trước khi đưa khí đi tiêu thụ.

(Các thông tin về dự án nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án)

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Stt	Các hoạt động của dự án	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
-----	-------------------------	---



Stt	Các hoạt động của dự án	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
1. Giai đoạn xây dựng	- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu - Hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình của dự án,... - Hoạt động thử thủy lực tuyến ống - Sinh hoạt của công nhân tại công trường	- Bụi và khí thải từ các phương tiện máy móc thiết bị... - Tiếng ồn - Nước thải sinh hoạt - Nước thủy lực thải - Chất thải rắn xây dựng - Chất thải rắn sinh hoạt - Chất thải nguy hại
2. Giai đoạn hoạt động	- Hoạt động của các thiết bị công nghệ	- Chất thải nguy hại (lõi lọc từ thiết bị lọc F-1011)

2.2. Quy mô tính chất của nước thải

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 450 m³ trong suốt thời gian thi công (02 tháng). Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất cặn bã, chất hữu cơ dễ phân hủy, chất dinh dưỡng và các vi khuẩn gây bệnh...

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình làm sạch và thử thủy lực đường ống khoảng 15 m³ trong suốt thời gian thi công (02 tháng). Nước dùng để thử thủy lực và làm sạch đường ống là nước thủy cục và không châm thêm hóa chất. Không thử thủy lực cho bồn tách V-101A và thiết bị lọc F-1011 tại khu vực nhà máy. Loại nước thải này chủ yếu có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao và một lượng nhỏ dầu mỡ...

- Giai đoạn hoạt động không phát sinh nước thải.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị...

- Bụi và khí thải phát sinh từ các máy móc, thiết bị thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị gồm: SO₂, NO_x, CO, ...

- Khí thải từ hoạt động hàn: Fe₂O₃, SiO₂, K₂O ...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công chủ yếu là bê tông, gạch, đá, vật liệu thừa (gỗ, kim loại, thùng giấy, bao bì...) với khối lượng khoảng 1,2 tấn (02 tháng thi công).

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân trên công trường

(thực phẩm thừa, vải vụn, chai lọ, giấy vụn từ sinh hoạt hằng ngày của công nhân) với khối lượng khoảng 3,9 tấn (02 tháng thi công).

- Giai đoạn vận hành dự án không phát sinh chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng dự án (xi và que hàn, sơn, giẻ lau dính dầu, dầu thải... từ hoạt động cắt/hàn, kết nối bình tách V-101A, thiết bị lọc F-1011 và các đường ống) với khối lượng phát sinh khoảng 06 tấn (02 tháng thi công).

- Lõi lọc từ thiết bị lọc F-1011 phát sinh trong giai đoạn vận hành được xem là chất thải nguy hại là với khối lượng phát sinh khoảng 47 kg/01 lần thay (06 tháng - 01 năm thay một lần).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giảm thiểu ô nhiễm nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy GPP Dinh Cố để xử lý ($30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$).

- Nước thử thủy lực và nước làm sạch đường ống được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu API để xử lý cùng với nước thải công nghiệp của Nhà máy GPP Dinh Cố hoặc thu gom, xử lý như đối với chất thải nguy hại.

3.2. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải

- Sử dụng các thiết bị có đăng kiểm và kiểm tra giấy phép trước khi cho phép đưa thiết bị vào sử dụng.

- Tắt các thiết bị và phương tiện khi không sử dụng;

- Tổ chức phun rửa bánh xe khi xe ra khỏi công trường. Phun nước ít nhất 2 lần một ngày trong điều kiện gió mạnh (18 m/s).

- Các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng được che phủ bằng bạt nhằm tránh rơi vãi và bắn bụi vào không khí.

- Lắp đặt các tấm chắn tạm thời xung quanh công trình xây dựng để hạn chế bụi phát tán và để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất hiện hữu của Nhà máy.

- Hạn chế hoạt động hàn ở mức tối thiểu, chỉ thực hiện hàn các mối nối khi bắt buộc.

- Quay chắn các khu vực thi công hàn và cắt bằng các bạt che phủ nhằm tránh làm phát tán bụi vào không khí.

- Yêu cầu tốc độ di chuyển của các phương tiện cơ giới trong công trường tuân theo quy định nhằm giảm tối đa bụi phát sinh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường



- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường trong giai đoạn xây dựng được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, quản lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng được thu gom, phân loại và chứa trong các thùng chứa an toàn có dán nhãn và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại (kích thước 12m x 16m) tại Nhà máy GPP Đình Cồ trước khi chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý.

- Trong giai đoạn vận hành, việc thay vật liệu lọc từ thiết bị lọc F-1011 theo định kỳ 06 tháng đến 01 năm (tùy thuộc mức độ bẩn của lõi lọc qua mỗi đợt kiểm tra) sẽ làm phát sinh khoảng 47 kg vật liệu lọc thải bỏ. Vật liệu lọc được thu gom, phân loại, lưu giữ tại kho lưu giữ CTNH của Nhà máy GPP Đình Cồ và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hạn chế sử dụng còi hơi và vận tốc tối đa phải duy trì 40km/giờ khi đi ngang qua khu dân cư sống (như các tuyến đường nội bộ tại xưởng chế tạo, đường dẫn vào Nhà máy, đường nội thị).

- Hạn chế sử dụng các thiết bị gây tiếng ồn lớn và vận chuyển vật liệu xây dựng, thiết bị của dự án trong thời gian từ 22h-6h sáng hôm sau và 11h30-13h30 để hạn chế tiếng ồn.

3.5.2. Giai đoạn vận hành

- Các hệ thống công nghệ của Dự án được thiết kế tĩnh, tự động hóa và bố trí cách xa khu vực văn phòng để hạn chế tiếng ồn và rung động trong quá trình vận hành.

- Lắp đặt các vạch cảnh báo trên đường nội bộ tại các khu vực có cường độ tiếng ồn vượt tiêu chuẩn và rà soát gắn bổ sung các biển cảnh báo ồn tại các vị trí có tiếng ồn cao.

- Duy trì các bảng báo tại những khu vực có độ ồn cao để cảnh báo công nhân phải đeo nút tai chống ồn khi vào khu vực này.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ làm việc tại khu vực công nghệ.

- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực với máy móc có độ ồn, rung cao, tránh các bệnh nghề nghiệp. Thời gian công nhân làm việc trong phân xưởng có độ ồn tương ứng như tuân thủ quy định tại Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT.

- Tăng cường cải thiện môi trường làm việc, định kỳ khám sức khỏe, tầm soát bệnh nghề nghiệp cho công nhân viên làm việc tại nhà máy tối thiểu 1 lần/năm.

- Tăng cường cây xanh, cây cảnh trong và ngoài khuôn viên nhà máy để

tăng khả năng thanh lọc khí độc và điều hòa điều kiện vi khí hậu trong khu vực.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình cấp phép làm việc. Tổ chức thi công đúng theo trình tự các giai đoạn được phê duyệt.

- Giám sát chặt chẽ quá trình lao động, đảm bảo tuân thủ các quy trình về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

3.6.2. Giai đoạn vận hành

Thực hiện ứng phó với các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra theo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp và chương trình quản lý an toàn và đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 154/QĐ-ATMT ngày 24/9/2014 và Quyết định số 10228/QĐ-BCT ngày 24/9/2015.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Stt	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
I. Hệ thống xử lý nước thải			
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt		
	Hệ thống xử lý nước thải 30 m ³ /ngày.đêm	01	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hiện hữu của Nhà máy GPP Dinh Cố
2	Hệ thống xử lý nước nhiễm dầu API		
	Sử dụng hệ thống xử lý nước nhiễm dầu API của Nhà máy để xử lý lượng nước thử thủy lực thải và nước làm sạch đường ống thải.	01	Hệ thống xử lý nước nhiễm dầu API hiện hữu của Nhà máy GPP Dinh Cố
II. Kho chứa chất thải			
1	Kho chứa chất thải nguy hại có kích thước 12m x 16m với 20 thùng chứa CTNH	01	Kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu của Nhà máy GPP Dinh Cố

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn xây dựng

5.1.1 Giám sát nước thải: 01 lần trong giai đoạn xây dựng tại đầu ra hệ thống xử lý lý thải sinh hoạt và nước thải nhiễm dầu của Nhà máy GPP Dinh Cố, thông số giám sát theo chương trình giám sát của Nhà máy GPP Dinh Cố.

5.1.2 Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại



- Thông số giám sát: khối lượng, phân loại.

- Tần suất giám sát: 1 lần trước khi giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại

5.2.1. Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: khối lượng, phân loại.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/1 lần.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chủ dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

6.2. Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công,... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định. Chỉ đưa dự án đi vào vận hành sau khi đã đầu tư hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

6.3. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

6.4. Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công xây dựng và vận hành dự án bảo đảm không gây tác động tiêu cực đến môi trường, đến an toàn các hạng mục công trình dự án và các đối tượng xung quanh khác.

6.5. Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định về phân vùng phát thải khí thải, xả nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trên địa bàn tỉnh.

6.6. Trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải lập tức dừng ngay mọi hoạt động, kịp thời ứng phó sự cố, khắc phục hậu quả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra đối với các đối tượng bị tác động bởi hoạt động của dự án. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại về môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6.7. Định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.